

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 651 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kinh phí thực hiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo các Nghị định của Chính phủ số: 177/2024/NĐ-CP, 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP khởi tính đợt 1 năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 177/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 quy định chế độ, chính sách đối với các trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng; số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách quy định Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Thông tư số 002/2025/TT-BNV ngày 04/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/01/2025 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 về việc phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại

Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ (đợt 1/2025); Quyết định nghỉ hưu trước tuổi của các cơ quan, đơn vị khối Đảng;

Theo đề nghị của Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tại Công văn số 135-CV/BTGDVTU ngày 28/3/2025, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tại Công văn số 1975-CV/UBKTTU ngày 08/4/2025 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 830/STC-HCSN&DN ngày 17/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo các Nghị định của Chính phủ số: 177/2024/NĐ-CP, 178/2024/NĐ-CP và 67/2025/NĐ-CP đối với 62 công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối tỉnh đợt 1 năm 2025 với tổng kinh phí 81.882.471.000 đồng như phụ lục kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn cải cách tiền lương của tỉnh năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cấp phát kinh phí cho các cơ quan, đơn vị để thực hiện chính sách cho các đối tượng tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị có trong danh sách theo Phụ lục tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm chi trả đúng chế độ, đúng đối tượng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Kho bạc Nhà nước Khu vực XII có trách nhiệm kiểm soát chi, thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực XII; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên trong danh sách tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Phòng giao dịch số 17 thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XII;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC(Vi687).



Nguyễn Hoàng Giang

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 651/MQĐ-UBND ngày 29/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Họ và tên	Nam	Nữ	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh chuyên môn đang đảm nhiệm	Hệ số và Mức phụ cấp (theo hướng của tháng tính từ trước khi nghỉ việc)										Số năm đóng BHXH theo số BHXH	Thời điểm nghỉ theo Nghị định 178	Tuổi khi giải quyết nghỉ theo Nghị định 178	Thời điểm hưu theo Nghị định 135	Số tháng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 135	Kinh phí để thực hiện giải quyết nghỉ theo Nghị định 178 (1000 đồng)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
						Hệ số lương	PC chức vụ (nếu có)	PC thâm niên (nếu có)	PC thâm niên nghề (nếu có)	PC ưu đãi (nếu có)	PC trách nhiệm (nếu có)	PC công tác (nếu có)	PC đoàn thể (nếu có)	Tiền lương hiện hưởng của tháng liên kế nghỉ việc (1000 đồng)	Số năm làm công việc nặng nhọc, độc hại hoặc có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên						Thời điểm nghỉ theo Nghị định 178	Tuổi khi giải quyết nghỉ theo Nghị định 178	Thời điểm hưu theo Nghị định 135	Số tháng nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 135	Tổng cộng	Trợ cấp hưu trí 1 lần; Trợ cấp thôi việc	Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi; nghỉ thời việc	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có trên 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp 03 tháng tính từ tháng nghỉ việc																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
1	Văn phòng UBND tỉnh																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

[illegible]

1	Phan Văn Chu	20/11/1964			Nguyên Trưởng phòng Phông Kế hoạch Tài chính	4,98	0,5	0,5478			1,507		17/631	35 năm 5 tháng	01/4/2025	60 tuổi 04 tháng	6/2/2026	14 tháng	246.838	246.838				
2	Bùi Đức	21/3/1967			Phó trưởng phòng Phông Kế hoạch Tài chính	4,98	0,3	0,2988			1,3947		16/318	36 năm 3 tháng	01/4/2025	58 tuổi	4/2/2029	48 tháng	1.325.837	783.264	326.360	81.590	134.623	
3	Hoàng Phương Liên		29/12/1970		Chuyên viên Phông Kế hoạch Tài chính	4,98		0,249			1,3073		13/295	34 năm 3 tháng	01/4/2025	54 tuổi 3 tháng	9/2/2028	41 tháng	1.082.109	627.088	267.659	76.474	110.887	
4	Nguyễn Đức Thành	15/9/1966			Phó chánh Văn phòng Sở	4,98	0,3	0,498			1,4445		16/901	41 năm 7 tháng	01/4/2025	58 tuổi 6 tháng	10/2/2028	42 tháng	1.275.999	709.827	295.761	84.503	185.907	
5	Vũ Tân Năm	04/8/1969			Phó chánh Thanh tra Sở	5,76	0,3		0,364	1,212	1,515		21/412	27 năm 10 tháng	01/4/2025	55 tuổi 7 tháng	9/2/2031	77 tháng	1.905.704	1.156.270	556.723	107.062	85.650	
6	Nguyễn Văn Thuận	06/5/1965			Phó chỉ cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	4,98	0,5	0,5976		0,6078	1,5194		19/199	35 năm 6 tháng	01/4/2025	59 tuổi 10 tháng	12/2/2026	20 tháng	383.983	383.983				
7	Bồ Thị Thu Đông		16/01/1970		Phó chỉ cục trưởng Chi cục Thủy sản - Biển đảo	5,76	0,5				1,565		18/311	29 năm 4 tháng	01/4/2025	55 tuổi 02 tháng	6/2/2027	26 tháng	883.482	476.073	228.881	91.553	86.975	
8	Nguyễn Hữu Hoàng	20/12/1965			Chuyên viên Chi cục Thủy sản - Biển đảo	4,98		0,4482			1,3571		15/877	35 năm 9 tháng	01/4/2025	59 tuổi 3 tháng	10/2/2027	30 tháng	881.200	476.325	198.469	79.387	127.020	
9	Đỗ Kỳ Sanh	17/12/1969			Phó chỉ cục trưởng Chi cục PTNT, QLCL và TTNS	4,98	0,5				1,37		16/029	29 năm 11 tháng	01/4/2025	55 tuổi 3 tháng	01/2/2032	81 tháng	1.474.668	865.566	448.812	80.145	80.145	
10	Ngô Văn Hưng	06/7/1966			Nguyên chỉ cục trưởng Chi cục PTNT, QLCL và TTNS	5,76	0,7				1,615		18/896	32 năm 11 tháng	01/4/2025	58 tuổi 8 tháng	8/2/2028	40 tháng	1.303.790	755.820	330.671	94.478	122.821	
11	Trần Thị Hà Vũ		28/6/1974		Nguyên chỉ cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường	5,42	0,7				1,53		17/901	28 năm 02 tháng	01/4/2025	50 tuổi 9 tháng	11/2/2033	103 tháng	1.776.674	966.654	644.436	89.505	76.079	
12	Nguyễn Văn Mười		06/6/1968		Nguyên chỉ cục trưởng Chi cục Thủy sản	5,76	0,7				1,615		18/896	32 năm	01/4/2025	56 tuổi 9 tháng	7/2/2030	63 tháng	1.643.909	1.020.357	415.701	94.478	113.373	
V	Sở Khoa học và Công nghệ																							
1	Nguyễn Văn Thành	26/8/1968			Nguyễn Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ	7,28	0,90				2,045		23/927	34 năm 10 tháng	01/3/2025	56 tuổi 6 tháng	9/2/2030	66 tháng	2.117.495	1.292.031	526.383	119.633	179.449	
VI	Thanh tra tỉnh																		1.853.470	983.202	465.078	132.865	271.374	-

1	Trần Văn Thửa	12/4/1966							6,1	0,7				1,496	1,36		1,7	26.573	40 năm 2 tháng			01/4/2025	59 tuổi		01/5/2028	37 tháng	1.853.470	983.202	465.028	132.865	272.374
VII	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh																											-	-	-	
1	Nguyễn Tấn Đức	07/02/1965							6,92	1,05									23.312 3 tháng	35 năm 3 tháng		01/3/2025	60 tuổi		9/2026	18 tháng	419.621	419.621	-		
VIII	Sở Tài chính																										9.332.449	4.005.016	1.033.249	1.521.189	
1	Nguyễn Văn Luyện	14/01/1967							6,78	0,9									22.464 11 tháng	33 năm 11 tháng		01/3/2025	58 tuổi 1 tháng		02/2029	47 tháng	1.774.656	1.055.808	449.280	112.320	157.248
2	Nguyễn Xuân Bắc	20/3/1966							6,44	0,7									20.885 11 tháng	35 năm 11 tháng		01/3/2025	58 tuổi 11 tháng		01/2028	34 tháng	1.294.839	710.073	313.268	104.423	167.076
3	Đỗ Hữu Luân	01/01/1967							6,1	0,5									19.305 4 tháng	38 năm 4 tháng		01/4/2025	58 tuổi 02 tháng		02/2029	46 tháng	1.549.226	888.030	386.100	96.525	178.571
4	Nguyễn Tấn Vũ	04/3/1967							6,1	0,5			0,594						23.784 5 tháng	36 năm 5 tháng		01/4/2025	58 tuổi		04/2029	48 tháng	1.932.431	1.141.620	475.675	118.919	196.216
5	Phạm Hồng Lục	20/3/1966							6,1	0,3									18.720 2 tháng	40 năm 2 tháng		01/4/2025	59 tuổi		01/2028	33 tháng	1.184.040	617.760	280.800	93.600	191.880
6	Phạm Thi Thu Hương		22/4/1971						5,42	0,3									16.731 4 tháng	29 năm 4 tháng		01/4/2025	53 tuổi 11 tháng		01/2029	45 tháng	1.250.642	752.895	334.620	83.655	79.472
7	Phạm Thi Thu Thủy		02/8/1970						5,42				1,192						21.180 3 tháng	34 năm 3 tháng		01/4/2025	54 tuổi 7 tháng		01/2028	33 tháng	1.276.112	698.949	317.704	105.901	153.557
8	Lê Tuấn Tuyển	01/01/1966							4,98	0,3486									15.586 7 tháng	35 năm 7 tháng		01/4/2025	59 tuổi 02 tháng		11/2027	31 tháng	919.583	483.171	233.792	77.931	124.689
9	Võ Thành Tuấn	10/12/1968							4,98	0,5	0,3486								17.049 4 tháng	30 năm 4 tháng		01/4/2025	56 tuổi 3 tháng		01/2031	69 tháng	1.504.544	920.627	409.168	85.243	89.505
10	Phạm Thanh Long	10/7/1969							5,76	0,5									18.311 01 tháng	35 năm 01 tháng		01/4/2025	55 tuổi 8 tháng		08/2031	76 tháng	1.698.299	988.767	476.073	91.553	141.906
11	Võ Thị Thanh Hà		29/12/1972						4,32										12.636 3 tháng	26 năm 3 tháng		01/4/2025	52 tuổi 3 tháng		09/2031	77 tháng	1.115.127	682.344	328.536	63.180	41.067
12	Nguyễn Xuân Ba	20/06/1964							6,44	0,3			2,157						27.916 2 tháng	40 năm 2 tháng		01/4/2025	60 tuổi 9 tháng		10/2025	6 tháng	167.494				
13	Trần Duyệt Khánh	10/3/1965							4,03		0,2418								12.495 28 năm 8 tháng	28 năm 8 tháng		01/4/2025	60 tuổi		10/2026	18 tháng	224.910				

[illegible]